TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2021/HS-ST
Ngày: 27 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Nguyễn Minh Tòng.

+ Ông: Châu Anh Tế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Loan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Trà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

BÙI THỊ T sinh ngày 05 tháng 5 năm 1997, tại: Bình Định; nơi cư trú: thôn H, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Phạm Thị Th; có chồng và 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo tại ngoại "Có mặt".

- *Bị hại*: Phạm Thị Th, 47 tuổi, trú tại: Thôn H, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định *" Có mặt"*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông: Bùi Văn C, 51 tuổi, trú tại: Thôn H, thị trấn A, huyện A, tỉnh Bình Định *"Có mặt"*.

- *Người làm chứng*:

Bà: Bùi Thị Tường V, 27 tuổi, trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định *"Có mặt"*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 18/6/2020, Bùi Thị T đến Trung tâm y tế huyện An Lão để nuôi chị gái sinh con. Đến trưa, bà Phạm Thị Th mang cơm đến, Thành ăn cơm cùng chị gái rồi đi về. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T ra nhà xe thì phát hiện dưới yên xe mô tô SH Mode, biển số kiểm soát 77M1-073.39 của bà Th ló ra một bịch ni lông màu trắng. T biết đây là bịch ni lông mẹ ruột là bà Phạm Thị Th hay đựng tiền vàng, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau khi quan sát xung quanh không thấy ai, T liền dùng tay mở yên xe lên và cầm bịch ni lông có tiền, vàng bỏ sang cốp xe mô tô biển kiểm soát 77M1-045.17, T điều khiển xe đi về nhà bà Th cất giấu trong phòng ngủ và lấy mền phủ lên. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bà Th điều khiển xe mô tô về nhà thì phát hiện mất bịch ni lông trong cốp xe có tiền mặt 225.000.000 đồng và 44 chỉ vàng gồm 03 nhẫn tâng gô, 01 sợi dây chuyền và nhẫn tròn trơn các loại. Bà Th quay lại Trung tâm y tế tìm kiếm nhưng không có nên báo cáo Công an huyện An Lão. Khoảng 04 giờ sáng ngày 19/6/2020, T mang bịch ni lông màu đen có tiền, vàng đem nhét ở lam hàng rào trước nhà, rồi nói với ông Bùi Văn C có ai mang tiền đến trả lại. Ông C và T mang bịch tiền, vàng đến Trung tâm y tế đưa lại bà Th gồm 105.950.000 đồng, 34 chiếc nhẫn tròn, 03 nhẫn tân gô và 01 sợi dây chuyền. Bà Th mang toàn bộ số tiền, vàng này đến Công an huyện An Lão trình báo. Sáng ngày 20/6/2020, T mang hết số tiền, vàng còn lại trả đủ cho bà Th.

Kết luận định giá số 07/KLĐG ngày 17/8/2020, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện An Lão xác định số vàng bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 197.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt của bà Th là 423.150.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKSAL ngày 15/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão đã truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của BLHS: xử phạt Bùi Thị T từ 24 đến 30 tháng tù. Về bồi thường thiệt hại, bị hại không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Về vật chứng vụ án, đề nghị HĐXX trả lại toàn bộ số vàng đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện An Lão cho bị hại.

Ý kiến của bị hại bà Phạm Thị Th: Bị cáo là con gái ruột của bà và ông C. Từ nhỏ đến lớn Bùi Thị T rất ngoan hiền, không trộm cắp của ai. Do bị hại sơ suất không khóa yên xe và chồng của T đang đi tù liên quan đến ma túy, nên T nghĩ quẫn mới lấy tài sản của mẹ. Số tiền, vàng bị mất hiện nay T đã trả lại đầy đủ cho bị hại. Bà Th khóc xin HĐXX tha chứ cho bị cáo, vì bị cáo thường xuyên đau ốm, con của bị cáo còn quá nhỏ và rất khó nuôi, hiện nay chồng của T là Nguyễn Quốc H đang bị đi tù, nếu bắt T phải đi tù nữa thì hoàn cảnh gia đình bị cáo T sẽ rơi vào

cảnh rất éo le tội nghiệp. Bà Th mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để nuôi con, gia đình bà sẽ có trách nhiệm giám sát bị cáo chặt chẽ.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn C là cha của bị cáo, khóc và tha thiết xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để nuôi con nhỏ. Bị cáo ngu dại nghĩ không tới, chứ tiền vợ chồng ông làm được cũng để cho con, mong HĐXX xem xét chồng của bị cáo đang bị tạm giam, tha thứ và tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi ba mẹ, bị cáo cầu xin HĐXX cho cơ hội để sửa chữa sai lầm. Bị cáo có chồng đang bị đi tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bản thân bị cáo bị đau bệnh không làm gì ra tiền nên rất áp lực, chỉ vì muốn có tiền mua sữa cho con nên mới trộm tiền của mẹ. Sau khi lấy trộm tiền, bị cáo hoảng sợ nên đã trả lại đầy đủ và được ba mẹ tha thứ; mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, nếu bắt bị cáo đi tù thì con bị cáo còn quá nhỏ không ai nuôi rất tội nghiệp. Bị cáo hứa sẽ cải tạo tốt tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà cũng như tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện tội phạm; phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra xem xét tại phiên tòa. Thể hiện: Khoảng 13 giờ ngày 18/6/2020, Bùi Thị T đã lén lút chiếm đoạt tài sản để trong cốp xe của mẹ ruột là bà Phạm Thị Th gồm số tiền 225.950.000 đồng, 40 chiếc nhẫn vàng tròn trơn, 03 nhẫn tân gô và 01 sợi dây chuyền vàng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 423.150.000 đồng. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 173 của BLHS.

[2] Xét tính chất hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi chiếm đoạt tài sản mà bị cáo T thực hiện là hoàn toàn trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo không những ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, làm mất an toàn xã hội ở địa phương mà còn gây ra tâm trạng lo lắng trong quần chúng nhân dân về tệ nạn trộm cắp xảy ra trên địa bàn huyện. Bị cáo là con trong gia đình, từ khi về nhà mẹ đẻ ở sinh con, bị cáo được bà Phạm Thị Th chăm sóc chu đáo, lẽ ra bị cáo phải bảo vệ tài sản cho cha mẹ và tu dưỡng rèn luyện làm ăn chính đáng; đằng này chỉ vì muốn có tiền mua sữa cho con, nhưng bị cáo không xin tiền ba mẹ, mà lợi dụng lúc bị hại sơ hở ở bệnh viện đã thực hiện

hành vi chiếm đoạt tài sản, đem về nhà cất giấu nhằm tránh sự phát hiện. Bằng hành động có ý thức, cố ý trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị áp dụng hình phạt tương xứng và thật nghiêm khắc, thì mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại bằng việc trả lại toàn bộ số tiền vàng đã chiếm đoạt; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của BLHS mà bị cáo được hưởng. Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 BLHS, quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật để thể hiện tính khoan hồng và nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo.

[3] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng: HĐXX xét thấy mặc dù bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, tuy nhiên xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Bị hại là mẹ ruột của bị cáo tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo có ông ngoại là người được hưởng chính sách như thương binh; hoàn cảnh gia đình bị cáo quá éo le: chồng là Phạm Quốc H đang bị tạm giam về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, con của bị cáo còn quá nhỏ không thể gửi ai chăm sóc được, chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân xã An Hòa xác nhận hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo, thì bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, HĐXX nghĩ không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo cơ hội để sửa chữa, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo.

[4] Đề nghị của kiểm sát viên xử bị cáo hình phạt tù là nghiêm khắc, nhưng chưa thể hiện được tính nhân văn, nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] ***Về bồi thường thiệt hại***: Bị cáo đã trả lại đủ tiền, vàng cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] ***Về xử lý vật chứng:*** Áp dụng điểm Điều 47 của BLHS, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Trả lại cho bị hại Phạm Thị Th toàn bộ số vàng *(Tại biên bản giao nhận tài sản số 2020/BBGN-KBNNAL, ngày 16/7/2020 của Kho bạc Nhà nước huyện An Lão, tỉnh Bình Định).*

Tiếp tục tạm giữ số vàng đã được niêm phong và tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện An Lão, tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

[8] ***Về án phí HSST*:** Bị cáo phải chịu án phí 200.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Bùi Thị T** phạm tội "***Trộm cắp tài sản***"

Căn cứ vào Điểm a Khoản 3 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của BLHS:

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị T **30** *(Ba mươi)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 *(sáu mươi)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/4/2021).

Giao người được hưởng án treo Bùi Thị T cho UBND xã A, huyện A, tỉnh Bình Định để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm Điều 47 của BLHS, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Trả lại cho bị hại Phạm Thị Th toàn bộ số vàng (Tại biên bản giao nhận tài sản số 2020/BBBG-KBNN AL, ngày 16/7/2020 của Kho bạc Nhà nước huyện An Lão, tỉnh Bình Định).

Tiếp tục tạm giữ số vàng đã được niêm phong và tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện An Lão, tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

Về án phí HSST: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV: Bị cáo Bùi Thị T phải nộp 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo bản án: Án xử có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các bên có mặt biết có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Định để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*27/4/2021)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo T;
- Bị hại Th;
- VKSND huyện An Lão;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT Công An huyện An Lão;
- CQ THAHS Công An huyện An Lão;
- Chi cục THA dân sự huyện An Lão;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Huỳnh Thị Giàu